

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 06-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm: 2000 tại H; Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị M. Bị cáo có 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1995, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 25 tháng 02 năm 2019, Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 11 năm 2019 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

-Người bị hại:

1. Nguyễn Thế M, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Trần Văn T1, sinh năm 1991 (vắng)

Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Lê Văn L, sinh năm 1975 (vắng)

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hữu T2, sinh năm 2002 (vắng)

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Phạm Văn C, sinh năm 1995 (vắng)
Địa chỉ: thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.
4. Dương Đình T3, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.
5. Hoàng Tiến Đ, sinh năm 1991 (vắng)
Địa chỉ: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2019, Nguyễn Văn T đi vào bên hông nhà ông Nguyễn Thế M ở Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước dùng cục đá cạy kính cửa sổ (cửa đã bị nứt) và bẻ khung cửa, rồi T đi vào phòng khách lấy 01 ti vi SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches, sản xuất tháng 5/2019 để xuống nền nhà và T đi bộ ra khỏi nhà ông M tìm người tới chở đi bán. Trên đường đi, T gặp Dương Sĩ L1 (cách nhà ông M khoảng 50 mét), T nói với L1: “em mới trộm được 01 cái ti vi ở dưới này nhờ anh chở đi bán hộ”, L1 đồng ý nhưng Lâm không chở T đi mà L1 nói bạn của L1 là E (chưa xác định nhân thân, lý lịch) dùng xe mô tô chở T đến nhà ông M. Khi đến nơi, T vào lấy tivi, còn E đứng ngoài đợi. Sau khi lấy được tivi, T điều khiển xe chở E ngồi phía sau ôm tivi đem lên xã M, huyện B bán cho anh Dương Đình T3 được 3.000.000 đồng, T cùng với L1 và E mua ma túy về sử dụng hết 1.200.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng T tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, Trung còn khai nhận các lần phạm tội sau:

Lần 1: Vào ngày 08 tháng 11 năm 2019, T thuê anh Lê Văn L là tài xế xe taxi chở từ huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước về nhà của T tại Thôn A, xã Đ, huyện B. Anh L chạy xe về gần đến nhà của T thì Trung yêu cầu anh L dừng xe, T gọi điện thoại hẹn H (không rõ nhân thân, lý lịch) nhà ở xã Đ để rước. Sau khi dừng xe, anh L xuống xe, còn T vẫn ngồi trên xe, T thấy chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F7, màu đen của anh L để ở phía trước gần vô lăng xe, nên T lấy điện thoại cho vào túi quần của T. H đến chở T về nhà của T, rồi T đi lên xã M tìm chỗ bán điện thoại nhưng không biết chỗ bán, nên T gọi điện thoại nhờ H (không rõ nhân thân, lý lịch) nhà ở M dẫn T đi bán điện thoại, nhưng H không đi nên H nhờ S (không rõ nhân thân, lý lịch) chở T đi đến bán cho anh Phạm Văn C tại thôn 3, xã M được 700.000 đồng, T cho S 100.000 đồng, còn lại 600.000 đồng T tiêu xài cá nhân.

Lần 2: Vào ngày 11 tháng 10 năm 2019, T nhận được 01 điện thoại của anh Hoàng Tiến Đ trong điện thoại có tài khoản facebook của anh Đ kết bạn với anh Trần Văn T1, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T1. T sử dụng tài khoản facebook của anh Đ nhắn tin qua hệ thống Messenger cho anh T1 để hỏi vay 2.500.000 đồng, anh T1 nghĩ anh Đ vay nên đồng ý cho vay. anh T1 mua 500.000 đồng thẻ cào điện thoại gửi qua cho Trung, còn 2.000.000 đồng thì T nhờ Nguyễn Hữu T2 đi gặp anh T1 tại ngã ba 36 thuộc thôn 5, xã Đ để nhận tiền đem về đưa cho

T. T lấy tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng nhờ T2 đi mua nước và đồ ăn hết 50.000 đồng, còn lại 450.000 đồng T cho T2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 100/KL-ĐG ngày 18 tháng 11 năm 2019 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận: 01 tivi LED hiệu SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches, sản xuất tháng 5/2019, có giá trị 15.090.000 đồng; 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO F7 màu đen đã qua sử dụng, có giá trị 2.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 17.990.000 đồng.

-Tại bản cáo trạng số: 29/CTr –VKS ngày 25/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về “ Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

-Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T về “ Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

+Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

+Áp dụng Điều 55 của BLHS, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

+ Về vật chứng vụ án: 01 tivi LED hiệu SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches; 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO F7 màu đen đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định cần chấp nhận.

+Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường cho người bị hại anh Trần Văn T1 số tiền 2.500.000đ và bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn C số tiền 700.000đ. Cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền này cho những người bị hại.

+Về án phí buộc các bị cáo nộp án phí theo quy định.

- Đối với H (nhà ở Đ, huyện B), E và S, H (nhà ở xã M, huyện B) có hành vi chở Nguyễn Văn T đem tài sản đi tiêu thụ, nhưng không xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng tách ra xác minh xử lý sau nên không xem xét.

- Đối với Nguyễn Hữu T2 có hành vi đi nhận số tiền 2.000.000 đồng từ anh Trần Văn T1 về đưa lại cho Nguyễn Văn T nhưng do Thắng không biết T lừa anh T1 để lấy tiền nên không có căn cứ xử lý. Do đó, HĐXX không xem xét.

- Đối với Dương Đình T3 và Phạm Văn C mua tài sản do Nguyễn Văn T trộm cắp được, nhưng không biết tài sản do T phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý. Do đó, HĐXX không xem xét.

- Đối với hành vi của Dương Sĩ L Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã ra Quyết định số 01 ngày 30 tháng 01 năm 2020 tách thành vụ án riêng nên không đề cập giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

-Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì đối với bản cáo trạng của đại diện viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

-Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Thê M không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, về hình phạt thì xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

-Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Đình T3 không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo đối chiếu với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Bị cáo khai hành vi phạm tội của bị cáo cụ thể như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2019, bị cáo T cùng với đối tượng E(chưa xác định nhân thân, lý lịch) đã lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Thê M ở Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước tài sản là 01 ti vi SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches.T là người trực tiếp vào lấy tivi, còn E đứng ngoài đợi. Sau khi lấy được tivi, T điều khiển xe chở Enggòi phía sau ôm tivi đem lên xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng bán cho anh Dương Đình T3 được 3.000.000 đồng, T cùng với Dương Sĩ L và E mua ma túy về sử dụng hết 1.200.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng T tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, T còn khai nhận các lần phạm tội sau:

Lần 1: Vào ngày 08 tháng 11 năm 2019, T thuê anh Lê Văn L là tài xế xe taxi chở T về nhà T tại Thôn A, xã Đ, huyện B. T đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F7, màu đen của anh L. T gọi điện thoại nhờ H (không rõ nhân thân, lý lịch) nhà ở M dẫn T đi bán điện thoại, nhưng H không đi nên H nhờ S (không rõ nhân thân, lý lịch) chở T đi đến bán cho anh Phạm Văn C tại thôn 3, xã M

được 700.000 đồng, Trung cho Sơn 100.000 đồng, còn lại 600.000 đồng T tiêu xài cá nhân.

Lần 2: Vào ngày 11 tháng 10 năm 2019, T nhận được 01 điện thoại của anh Hoàng Tiến Đ trong điện thoại có tài khoản facebook của anh Đ kết bạn với anh Trần Văn T1, nên Trung nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T1. Trung sử dụng tài khoản facebook của anh Đ nhắn tin qua hệ thống Messenger cho anh T1 để hỏi vay 2.500.000 đồng, anh T1 nghĩ anh Đ vay nên đồng ý cho vay. anh T1 mua 500.000 đồng thẻ cào điện thoại gửi qua cho T, còn 2.000.000 đồng thì T nhờ Nguyễn Hữu T2 đi gặp anh T1 tại ngã ba 36 thuộc thôn 5, xã Đức Liễu để nhận tiền đem về đưa cho T. T lấy tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng nhờ T2 đi mua nước và đồ ăn hết 50.000 đồng, còn lại 450.000 đồng T cho T2

Tại bản kết luận định giá tài sản số 100/KL-ĐG ngày 18 tháng 11 năm 2019 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận: 01 tivi LED hiệu SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches, sản xuất tháng 5/2019, có giá trị 15.090.000 đồng; 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO F7 màu đen đã qua sử dụng, có giá trị 2.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T đã lén lút chiếm đoạt của các anh Nguyễn Thế M và Lê Văn L là 17.990.000 đồng.

Ngoài ra, bằng thủ đoạn gian dối sử dụng tài khoản facebook cá nhân của anh Hoàng Tiến Đ, bị cáo T đã chiếm đoạt của anh Trần Văn T1 số tiền 2.500.000đ.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào “Tội Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do ham lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động chân chính. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại ông Nguyễn Thế M, bị cáo tự nguyện đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân bị cáo: Ngày 25/02/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 05 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, bản thân bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, tại thời bị cáo thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo là người chưa thành niên, tuy không

áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm đối với bị cáo nhưng cần xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo và trở thành người có ích cho xã hội.

- Đối với H(nhà ở Đức Liễu, huyện Bù Đăng), Evà S, H (nhà ở xã M, huyện B) có hành vi chở Nguyễn Văn T đem tài sản đi tiêu thụ, nhưng không xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng tách ra xác minh xử lý sau nên không xem xét.

- Đối với Nguyễn Hữu T2 có hành vi đi nhận số tiền 2.000.000 đồng từ anh Trần Văn T1 về đưa lại cho Nguyễn Văn T nhưng do Thắng không biết T lừa anh T1 để lấy tiền nên không có căn cứ xử lý. Do đó, không xem xét.

- Đối với Dương Đình T3 và Phạm Văn C mua tài sản do Nguyễn Văn T trộm cắp được, nhưng không biết tài sản do T phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý. Do đó không xem xét.

- Đối với hành vi của Dương Sĩ L, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã ra Quyết định số 01 ngày 30 tháng 01 năm 2020 tách thành vụ án riêng nên không đề cập giải quyết. Do đó không xem xét.

+Về vật chứng vụ án: 01 tivi LED hiệu SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches; 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO F7 màu đen đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường cho người bị hại anh Trần Văn T1 số tiền 2.500.000đ và bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn C số tiền 700.000đ. Do đó, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại anh Trần Văn T1 số tiền 2.500.000đ và bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn C số tiền 700.000đ.

Người bị hại Nguyễn Thế M, Lê Văn L. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu T2, Dương Đình T3, Hoàng Tiến Đ không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và cùng với nhận định của hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù.

+ Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 11 năm 2019, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: 01 tivi LED hiệu SAMSUNG, màn hình phẳng 50 inches; 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO F7 màu đen đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại anh Trần Văn T1 số tiền 2.500.000đ và bồi thường cho người bị hại anh Phạm Văn C số tiền 700.000đ.

Người bị hại Nguyễn Thế M, Lê Văn L. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu T2, Dương Đình T3, Hoàng Tiến Đ không có yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.,

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà

